



**LILAMA EMC**  
**MÃ CHỨNG KHOÁN: L35**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**  
**(NĂM 2016)**

**Ninh Bình, tháng 04 năm 2017**

## PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2700224390, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2006, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30/10/2007, thay đổi lần 2 ngày 07/09/2011.
- Vốn điều lệ: 32.651.550.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.651.550.000 đồng
- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
- Số điện thoại: 0303.871.125
- Số fax: 0303.873.074
- Website: [www.lilamaemc.com.vn](http://www.lilamaemc.com.vn)
- Mã cổ phiếu: L35

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cơ khí lắp máy, thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Đội công trường Lắp máy trực thuộc Liên hiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, được thành lập năm 1978. Từ năm 1983 đổi thành “Xí nghiệp Cơ khí lắp máy” trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, theo Quyết định số 012A/BXD-TCLĐ ngày 27/01/1983 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ năm 1996, là “Công ty Cơ khí lắp máy” thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 05/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Tháng 7/2007 Công ty trở thành công ty đại chúng.

- Tháng 3/2010 Công ty chính thức niêm yết và giao dịch 3.265.155 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là L35.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1. Ngành nghề kinh doanh:

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng).

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí. Kiểm tra mối hàn (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại.

- + Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
- + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- + Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- + Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
- + Đại lý.
- + Lắp đặt hệ thống điện.
- + Sản xuất thiết bị điện khác (cơ, điện).
- + Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- + Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- + Hoàn thiện công trình trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất.
- + Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.
- + Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- + Sản xuất hóa chất cơ bản (khí công nghiệp).
- + Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (khí công nghiệp).
- + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

### 3.2. Địa bàn kinh doanh:

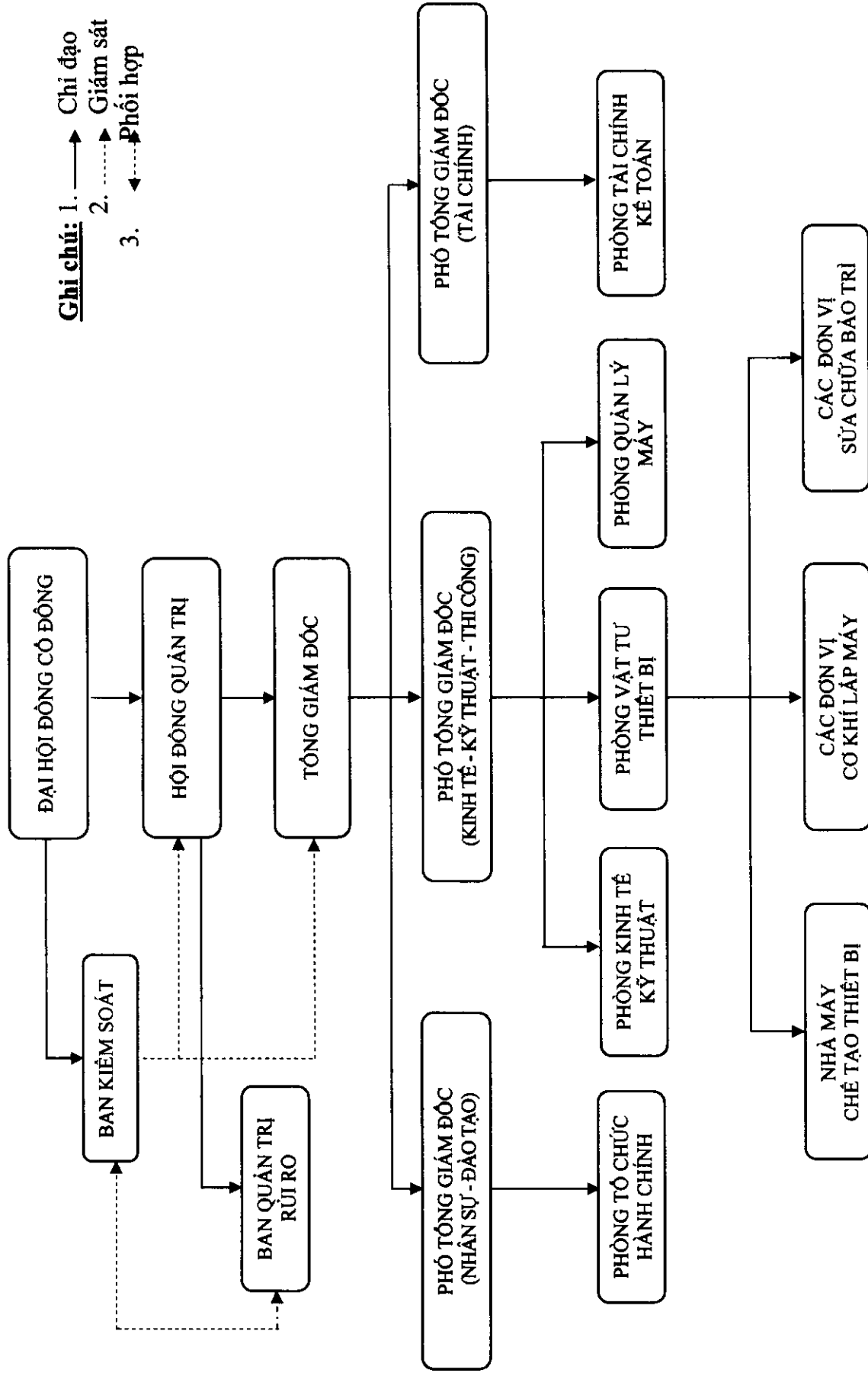
Công ty tham gia thi công các công trình dự án trong phạm vi cả nước. Trong đó 2 năm gần nhất, các địa bàn hoạt động chiếm trên 10% tổng doanh thu gồm: Ninh Bình, Hà Nam, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

### 4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát.

### 4.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty như sau:



## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

#### (1) Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn với lộ trình phù hợp, không gây nhiều xáo trộn trong sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng Công ty thành một đơn vị mạnh, có quy mô lớn hơn, trình độ quản lý chuyên nghiệp hơn và chuyên môn hóa theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### (2) Mục tiêu cụ thể:

- Tích cực tham gia vào các dự án do Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA) làm thầu chính, đồng thời mở rộng thị trường do công ty trực tiếp ký kết với vai trò độc lập, phấn đấu đến năm 2020 trong cơ cấu doanh thu: 15 - 20% doanh thu thực hiện từ hợp đồng với Tổng công ty LILAMA, doanh thu còn lại do Công ty tự tìm kiếm từ thị trường bên ngoài.

- Tăng thị phần và doanh thu chế tạo, lắp đặt thiết bị từ các dự án Điện, tiếp cận và từng bước tăng thị phần dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế ở các nhà máy điện, chú trọng thị trường các nhà máy, công trình trong khu vực tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

- Tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng vào trong giai đoạn 2017 - 2020 để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, đồng thời giảm tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng công ty LILAMA từ 51% xuống mức 36%.

- Tăng trưởng Tổng doanh thu bình quân hàng năm giai đoạn 2016 – 2020 đạt từ 05 – 10 %, tổng giá trị doanh thu đến cuối năm 2020 đạt từ 250 tỷ đồng.

- Tăng trưởng lợi nhuận bình quân hàng năm giai đoạn 2016 – 2020 từ 5 - 10%, đến cuối năm 2020 lợi nhuận trước thuế đạt từ 7,2 tỷ đồng.

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

#### (1) Chiến lược tăng trưởng:

Công ty tập trung phát triển chuyên sâu vào nhóm ngành EPC điện, gồm: Lắp đặt thiết bị cơ điện, gia công chế tạo thiết bị cơ khí và dịch vụ sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng. Thực hiện chiến lược tăng trưởng tập trung qua 2 giai đoạn cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2016 – 2017: Hoàn thành các công trình đang thi công, củng cố và gia tăng thị phần khu vực miền Trung và miền Bắc đối với các dự án ngành năng lượng, sản xuất vật liệu xây dựng, lọc hóa dầu.

- Giai đoạn 2018 - 2020: Trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, tạo tiền đề để Công ty hoạt động chuyên sâu trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất thi công các dự án nhiệt điện, thủy điện, phong điện, điện khí và các lĩnh vực khác có liên quan, tạo lợi thế cạnh tranh đối với các dự án trong nước với vai trò nhà thầu độc lập.

#### (2) Chiến lược lợi nhuận:

- Giai đoạn 2016 – 2017: Tập trung củng cố năng lực và thương hiệu, ưu tiên tăng quy mô về lao động, nâng cao năng lực thiết bị thi công, nâng cao năng suất lao động, mở rộng thị trường để tăng doanh thu, duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu từ 4 - 5%.

- Giai đoạn sau từ năm 2018 – 2020: Nâng tầm thương hiệu Công ty, cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao lợi nhuận, phấn đấu đến năm 2020 đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tối thiểu 8% .

### 5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

+ Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phấn đấu mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 6.500.000 đồng đến 10.000.000 đồng/người/tháng.

+ Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.

+ Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng và kích thích sản xuất phát triển.

+ Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ; đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV; tích cực tham gia các phong trào xã hội từ thiện và các hoạt động xã hội khác.

+ Đầu tư công nghệ, tổ chức sản xuất theo hướng tiết kiệm và tái sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, nước... sử dụng nhiên liệu thân thiện để bảo vệ môi trường.

+ Tích cực tham gia, thực hiện tốt các chính sách xã hội.

## 6. Các rủi ro

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tác động trực tiếp từ tình hình chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, tình hình hoạt động đầu tư, tiến độ xây dựng các dự án, chính sách phát triển lĩnh vực cơ khí của đất nước.

Trong hoạt động xây lắp, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian, dẫn tới tình trạng khối lượng công việc dờ dang nhiều, hạch toán kế toán không kịp thời.

Việc giải ngân, thanh toán thường chậm do khó khăn từ việc thu xếp vốn của chủ đầu tư, thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Biến động nguồn nhân lực tương đối lớn do đặc thù hoạt động của ngành, người lao động phải trực tiếp tham gia thi công trên các công trường dự án, điều kiện sinh hoạt, đi lại của CBCNV gặp nhiều khó khăn...

## PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động SXKD năm 2016: Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tham gia thi công các công trình, dự án chủ yếu gồm: NM lọc hoá dầu Nghi Sơn; NM dầu ăn thực vật Nghi Sơn; Dây chuyền 2 nhà máy XM Xuân Thành; Nhiệt điện Thái Bình 1; Nhiệt điện Thái Bình 2; Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị NM Xi măng Tam Điệp, Bút Sơn...

Một số chỉ tiêu đạt được cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
1	Giá trị Sản lượng	Tr.đồng	216.000	243.154	112,57%
2	Giá trị doanh thu	Tr.đồng	206.000	236.154	114,63%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.710	3.142	84,69%
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	10.000	5.532	55,32%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	6,200	8,22	132,58%
6	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	9.404	6.751	71,78%
7	Trả cổ tức (dự kiến)	%	5	5	100%

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty ổn định và đạt mức tăng trưởng khá so với năm 2015: Doanh thu thực hiện đạt 236,15 tỷ đồng bằng 114,6% kế hoạch năm và bằng 130,6% so với thực hiện năm 2015. Các chỉ tiêu về lợi nhuận, nộp ngân sách đều cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Tỷ trọng doanh thu của các Hợp đồng mà Công ty tự tìm kiếm tăng so với năm trước (51%).

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách ban điều hành:

(1) Tổng giám đốc: Nguyễn Văn Triều

Số CMTND: 013250611 - Cấp ngày 19/01/2010 tại Hà Nội

Ngày tháng năm sinh: 27/03/1971 - Giới tính: Nam

Nơi sinh: Hải Triều – Tiên Lữ - Hưng Yên

Quê quán: Hải Triều – Tiên Lữ - Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P604- Chung cư 54 Hạ Đình, P Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

#### Quá trình công tác:

Từ 3/1995 - 6/1996: CB Kỹ thuật - Cty Lắp máy & Xây dựng 45-1 – TP HCM

Từ 7/1996 - 1/1998: Trưởng ban Kỹ thuật - XN Lắp máy Sao Mai - Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1

Từ 2/1998 - 4/2001: Trưởng ban Kỹ thuật - XN Lắp máy Sao Mai Nghi Sơn- Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1

Từ 5/2001 - 10/2001: CB Phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1, TP Hồ Chí Minh

Từ 11/2001 - 2/2002: Phó trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây

dựng số 7, TP Đà Nẵng  
 Từ 3/2002 - 9/2003: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7, TP Đà Nẵng  
 Từ 10/2003 - 5/2006: Phó giám đốc - Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7, Đà Nẵng  
 Từ 6/2006 - 9/2009: Phó giám đốc - Cty Lắp máy & Xây dựng 69-3, Hải Dương  
 Từ 10/2009-8/2011: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, TP Hà Nội  
 Từ 9/2011 – nay: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, TP Ninh Bình, Ninh Bình  
 Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%;
- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 552.425 cổ phần = 16%

(2) Phó Tổng giám đốc: **Bùi Sỹ Chiến** (Nghỉ hưu từ 01/10/2016)

Số CMTND : 031171267 Cấp ngày: 13/03/2000 tại Hải Phòng  
 Ngày tháng năm sinh : 25/09/1956 - Giới tính : Nam  
 Nơi sinh : Diễn Đông - Diễn Châu - Nghệ An  
 Quê quán : Diễn Đông - Diễn Châu - Nghệ An  
 Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh  
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 29 - Ngõ 7 - Đường Biên Hoà - Phủ Lý - Hà Nam  
 Trình độ văn hoá : 10/10 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác :

Từ 5/1979 - 5/1985 : Kỹ sư điện - Công ty xây dựng K2 - Thanh Hoá  
 Từ 6/1985 - 9/1994 : Kỹ sư điện - Liên hợp lắp máy 10 - Hoà Bình  
 Từ 10/1994 - 5/1996: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty lắp máy và xây dựng 69-2 TP Hải Phòng  
 Từ 6/1996 - 7/1999 : Phó giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng 69-2 Hải Phòng  
 Từ 8/1999 - 6/2003: Giám đốc Công ty Đầu tư và phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh – Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam  
 Từ 7/2003 – nay: Phó giám đốc Công ty Cơ khí lắp máy Ninh Bình, TP Ninh Bình  
 Từ 7/2006 – nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, TP Ninh Bình.  
 Từ 1/2007 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10.000 cổ phần = 0,3 %;

(3) Phó Tổng giám đốc: **Nguyễn Văn Huân**

Số CMTND : 164135276 Cấp ngày 19/04/2000 tại Ninh Bình  
 Ngày tháng năm sinh : 20/07/1959 - Giới tính: Nam  
 Nơi sinh : An Mỹ - Bình Lục - Hà Nam  
 Quê quán : An Mỹ - Bình Lục - Hà Nam  
 Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú : Phố Ngọc Mỹ - Phường Thanh Bình - Tp.Ninh Bình



Trình độ văn hoá : 10/10 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí  
 Quá trình công tác :  
 Từ 1983 - 1989 : Kỹ sư - Nhà máy thiết bị điện Đông Anh, Hà Nội  
 Từ 1989 - 9/1996 : Kỹ sư - Công ty Cơ khí Lắp máy - TX Ninh Bình  
 Từ 10/1996-12/2006: Phó giám đốc Công ty Cơ khí Lắp máy - TX Ninh Bình,  
 Tỉnh Ninh Bình  
 Từ 1/2007 - nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama  
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 18.365 cổ phần = 0,56 %

**(4) Phó Tổng giám đốc: Nguyễn Thanh Quang**

Ngày sinh: 10/3/1961 - Giới tính: Nam  
 Nơi sinh: Kiến Xương - Thái Bình  
 Quê quán: Kiến Xương - Thái Bình  
 Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh  
 Chứng minh nhân dân: 141756980 cấp ngày 7/7/1994 tại Hải Dương  
 Địa chỉ thường trú: Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

**Quá trình công tác:**

Từ 6/1982 - 04/1984: Cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp liên hiệp lắp máy 69  
 Từ 5/1984 - 07/1988: Cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp Lắp máy 69-3  
 Từ 08/1988 - 05/1998: Cán bộ kỹ thuật - Công ty LM và XD 69-3  
 Từ 06/1998 - 03/2001: Đội trưởng thi công nhiệt điện Phả Lại 2 - Cty LM và XD 69-3  
 Từ 04/2001 - 02/2003: Biệt phái VP đại diện LILAMA tại Công trình XM Tam Điệp  
 Từ 01/2004 - 05/2007: Đội trưởng thi công XM Bim Sơn, XM Hoàng Thạch  
 Từ 06/2007 - nay: Trưởng phòng Kỹ thuật Cty CP cơ khí Lắp máy LILAMA  
 Từ 11/2009 - nay: Phó Tổng giám đốc Cty CP cơ khí Lắp máy LILAMA  
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần = 0 %

**(5) Kế toán trưởng: Phùng Quang Minh**

Ngày sinh: 19/05/1980 - Giới tính: Nam  
 Nơi sinh: Việt Trì, Phú Thọ  
 Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Thuy Vân - Việt Trì - Phú Thọ  
 Chứng minh nhân dân: 012266297 cấp ngày 24/05/2012 tại Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú: Nhà 41A ngõ 109 đường Trường Chinh- Thanh Xuân- Hà Nội  
 Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

Từ 02/2003 - 03/2008: Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam  
 Từ 04/2008 - nay: Trưởng phòng TCKT - Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama  
 Từ 04/2009 - 03/2010: Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama  
 Từ 03/2010 - 04/2013: Kế toán trưởng - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí

Lắp máy Lilama

Từ 04/2013– đến nay: Kế toán trưởng –Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí

Lắp máy Lilama

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%;
- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 489.773 cổ phần = 15%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Bùi Sỹ Chiến, Phó Tổng giám đốc, nghỉ hưu từ 01/10/2016.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ nhân viên bình quân năm 2016 là: 986 người
- Chính sách đối với người lao động:

+ Về tiền lương: Tiền lương đối với CBCNV được thực hiện theo Quy chế lương áp dụng thống nhất trong toàn công ty. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương sản phẩm theo hợp đồng khoán phù hợp với khối lượng công việc hoàn thành trong tháng, gắn năng suất và hiệu quả công tác với thu nhập được hưởng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo trình độ, năng lực và hiệu quả thực hiện công việc được giao.

+ Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành công việc tốt nhất. Công ty đã triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo năm 2016 cho các nhóm kỹ sư/chuyên viên (về ngoại ngữ, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý); nhóm công nhân kỹ thuật (tay nghề/kỹ năng) bằng các hình thức đào tạo tại chỗ (kèm cặp và hướng dẫn) và cử đi đào tạo tập trung tại các cơ sở đào tạo. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, thi nâng cao tay nghề, nâng bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc; đồng thời áp dụng các quy định về trách nhiệm vật chất đối với các hành vi làm thiệt hại tài sản, kỷ luật lao động đối với các vi phạm.

+ Công tác chăm lo đời sống đối với CBCNV: Công ty luôn quan tâm, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện sinh hoạt và làm việc cho CBCNV trên các công trường, nhà máy; hàng năm tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát phù hợp với điều kiện của đơn vị...

+ Tuân thủ các quy định của Nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, hợp đồng lao động, nâng lương, nâng bậc hằng năm, các chế độ ốm đau, nghỉ phép, nghỉ lễ...

+ Thực hiện chế độ trợ cấp cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn kịp thời, đúng đối tượng. Công ty xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

+ Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động: Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước. 100% lao động làm việc theo hợp đồng từ 3

tháng trở lên được tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN. Các chế độ chính sách đối với người lao động được công ty thực hiện đầy đủ.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Năm 2016 Công ty chi tập trung thực hiện đầu tư đối với các dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công, mua sắm máy móc thiết bị để đáp ứng yêu cầu thực tế công việc của từng công trình thi công cụ thể. Giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2016 đạt 6,751 tỷ đồng, bằng 71,78% so với kế hoạch.

Việc thực hiện mua sắm thiết bị đã tuân thủ theo đúng quy định về đầu tư của nhà nước, góp phần đảm bảo yêu cầu tiến độ tại các công trình thi công, giảm đáng kể chi phí thuê thiết bị, máy móc.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Hiện tại, Công ty không có công ty con/công ty liên kết.

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1. Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	213.661.193.525	243.637.307.873	114,03
2	Doanh thu thuần	180.710.295.777	236.154.250.056	130,68
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.408.262.486	2.029.451.672	59,55
4	Lợi nhuận khác	398.354.545	1.112.666.380	279,32
5	Lợi nhuận trước thuế	3.806.617.031	3.142.118.052	82,54
6	Lợi nhuận sau thuế	2.969.161.285	2.501.454.442	84,25
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	818	689	84,23

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,22 lần	1,18 lần	
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh(TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,95 lần	0,79 lần	

3	Hệ số nợ (Nợ phải trả / Tổng tài sản)	77,99%	80,47%	
4	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu)	22,01%	19,53%	
5	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân trong kỳ)	3,63 vòng	3,65 vòng	
6	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/tổng tài sản)	0,85 vòng	0,97 vòng	
7	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,64%	1,06%	
8	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,31%	5,25%	
9	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,39%	1,03%	
10	LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	1,89%	0,86%	

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### 5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần 3.265.155 (cổ phần)
- Trong đó: Cổ phần phổ thông: 3.265.155 (cổ phần)

#### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Phân loại	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ
1	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			
	a) Cổ đông lớn	2	1.945.329	59,6%
	b) Cổ đông nhỏ	537	1.599.926	40,4%
2	Phân loại theo tổ chức, cá nhân			
	a) Cá nhân	536	1.599.793	48,99%
	b) Tổ chức	3	1.665.362	51,01%
3	Phân loại theo trong nước, ngoài nước			
	a) Trong nước	538	3.264.955	99,99%
	b) Ngoài nước	1	200	0,0001%
4	Phân loại theo cổ đông Nhà nước, cổ đông khác			
	a) Nhà nước	1	1.665.229	51%
	b) Cổ đông khác	538	1.599.926	49%

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán - NĐKCC là 19/10/2016)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm: 2.500 tấn gồm sắt thép và nguyên vật liệu khác phục vụ chế tạo các thiết bị cơ khí.

b) Khoảng 0,3% nguyên vật liệu trong năm được tái chế, tái sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 222.500 Kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1,5 % tổng năng lượng sử dụng thông qua chương trình tiết kiệm, tiết giảm chi phí chung.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Chủ yếu sử dụng nước do các Công ty nước sạch cung cấp để phục vụ mục đích sinh hoạt cho CBCNV tại văn phòng và các đơn vị sản xuất, trong năm sử dụng 25.500 m<sup>3</sup> nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân 983 người, mức lương bình quân 8.220.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập chính đáng cho người lao động, thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp định kỳ và đột xuất.

- Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động bằng việc cung cấp vật tư thiết bị y tế và tổ chức mạng lưới cán bộ phụ trách y tế từ công ty đến các đơn vị, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm và bố trí công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình với cán bộ: 20 giờ/năm.

- Số giờ đào tạo trung bình với công nhân kỹ thuật: 80 giờ/năm.

- Chương trình phát triển năng lực người lao động:

- + Khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng.
- + Xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo hằng năm.
- + Tổ chức huấn luyện theo các đợt thi nâng bậc lương hằng năm.

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương:

- + Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của địa phương, tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan.
- + Chủ động tổ chức và tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

## PHẦN III BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

TT	Nội dung	Thực hiện 2015 (triệu đồng)	Thực hiện 2016 (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	Giá trị sản lượng	198.800	243.154	122,3%
2	Doanh thu	180.710	236.154	130,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.806	3.142	82,5%
4	Nộp Ngân sách	9.900	5.532	55,8%
5	Cổ tức thực hiện	5%	5%	100%
6	Đầu tư XDCB	2.070	6.751	326%

#### 1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Sản xuất kinh doanh năm 2016 ổn định và đạt được mức tăng trưởng khá: doanh thu thực hiện đạt hơn 236 tỷ đồng, bằng 115% kế hoạch và bằng 130% so với thực hiện năm 2015.

- Khả năng đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh tại các phòng ban/bộ phận và đơn vị sản xuất có cải thiện đáng kể. Thi công tại các công trình Lọc dầu Nghi Sơn, Dầu ăn thực vật Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình 1, Nhiệt điện Thái Bình 2, Xi măng Xuân Thành, Sửa chữa bảo trì xi măng Tam Điệp, Bút Sơn... cơ bản đảm

bảo các mốc tiến độ đề ra. Năng suất lao động và chất lượng sản phẩm chế tạo, lắp đặt có nhiều cải thiện.

- Việc làm cho người lao động được đảm bảo liên tục, thu nhập bình quân đạt 8,22 triệu đồng người/tháng.

- Hoàn thành cơ bản việc quyết toán các công trình dự án cũ: Thủy điện Hòa Na, Vôi Hương Hải, Xi măng Sông Thao, Điện Barh. Thu hồi vốn tiếp tục được đẩy mạnh và có nhiều kết quả tốt.

- Chi nộp Ngân sách đạt 5,53 tỷ đồng, nộp BHXH 8,1 tỷ đồng.

- Công tác an toàn lao động được duy trì, không xảy ra sự cố tai nạn lao động đáng kể.

- Các hoạt động phong trào đoàn thể được tăng cường và thực chất hơn, đã góp phần động viên, thúc đẩy sản xuất.

- Công tác an toàn lao động được đảm bảo, trong sản xuất không xảy ra sự cố tai nạn lao động đáng kể; an ninh, an toàn tài sản được duy trì.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản và nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	7,4%	8,8%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	92,6%	91,2%
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	78,1%	80,5%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	21,9%	19,5%
3	<b>Khả năng thanh toán</b>		
	- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	1,28	1,24
	- Tổng TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1,22	1,18
	- Tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	0,29	0,13
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>		
	- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	1,89%	1,33%
	- Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	10,44%	9,62%

### 2.2. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

(a) Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn năm 2016 như sau:

Tài sản ngắn hạn chiếm đến 91,2% trong khi các khoản nợ phải trả ngắn hạn chỉ chiếm 80,5%. Như vậy về mặt thanh toán các khoản nợ ngắn hạn là an toàn.

Tuy nhiên, công tác thanh quyết toán thu hồi vốn các công trình gặp nhiều khó khăn, do vậy, tỷ trọng nợ phải thu trên tổng tài sản qua các năm lớn. Cụ thể năm 2013 là 50%, năm 2014 là 60%, năm 2015 là 50%, năm 2016 là 51%.

Trong tài sản ngắn hạn thì khoản phải thu khách hàng chiếm đến 55,94% tăng so với tỷ lệ 54% năm 2015, còn tiềm ẩn rủi ro nếu không thu hồi được vốn trong khi đến hạn thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Mặt khác khi không thu hồi được công nợ, qua thời gian, Công ty phải trích lập dự phòng phải thu năm sau tăng lên so với năm trước.

(b) Về nhóm chỉ tiêu cơ cấu vốn kinh doanh:

- Tỷ số nợ (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu) = 4,12 lần;
- Tỷ suất Nợ ngắn hạn/ Vốn chủ sở hữu = 3,96 lần
- Tỷ số tự tài trợ (Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn) = 19,5%

Nhóm chỉ tiêu này phản ánh số nợ phải trả đang vượt ngưỡng an toàn so với vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên do đặc thù ngành nghề kinh doanh và khi so sánh với các đơn vị khác trong ngành thì chỉ số trên nằm trong phạm vi có thể chấp nhận.

(c) Về nhóm chỉ tiêu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán:

Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng nguồn tài sản. Tuy nhiên, cần giảm dư nợ phải trả khách hàng sang các các nguồn có tính thanh khoản cao hơn như tiền và tương đương tiền.

(d) Về nhóm chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp/ Doanh thu = 0,088
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu = 0,013
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu = 0,066

Nhóm chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả kinh doanh thấp: 01 đồng doanh thu tạo ra được 0,088 đồng lợi nhuận gộp và 0,013 đồng lợi nhuận trước thuế. Với 01 đồng vốn chủ sở hữu, công ty tạo ra được 0,066 đồng lợi nhuận trước thuế.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Triển khai điều chỉnh, bổ sung và thực hiện Đề án tái cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2014 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020 để tái cơ cấu toàn diện công ty.

- Thực hiện chế độ Chủ tịch HĐQT chuyên trách, đảm bảo số lượng thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành theo đúng Điều lệ công ty.

- Ban hành Điều lệ 2016 phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hoàn thiện hệ thống Quy chế, Quy định nội bộ khác phù hợp với Pháp luật và Điều lệ, làm cơ sở thực hiện việc thống nhất quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư nâng cao một phần năng lực thiết bị, phương tiện đáp ứng các yêu cầu thi công. Tăng cường các biện pháp quản lý vật tư, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.

- Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008.



- Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và chính sách đầu tư xây dựng cơ bản của đất nước, phù hợp quy mô nguồn vốn và trang thiết bị, chú trọng phát triển nhân tố con người thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Lấy hiệu quả, chất lượng, chữ tín làm cơ sở xây dựng thương hiệu, ổn định và phát triển sản xuất...

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng Công ty trở thành một đơn vị mạnh của Tổng công ty LILAMA, là nhà thầu chuyên sâu vào nhóm ngành EPC điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí...) và các lĩnh vực có liên quan.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn hoá các hệ thống quản lý; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn toàn diện yêu cầu của khách hàng, đủ điều kiện để tham gia vào các dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm liên kết toàn cầu.

- Trong năm 2017 phấn đấu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch SXKD sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ
1	Giá trị Sản lượng	Tr.đồng	243.154	208.230	85,6%
2	Giá trị doanh thu	Tr.đồng	236.154	198.333	83,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.142	1.500	47,7%
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	5.532	7.500	135,5%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	8,220	7,300	88,8%
6	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	6.751	7.089	105,0%
7	Trả cổ tức	%	5	3	60,0%

- Một số giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD 2017:

+ Đổi mới mạnh mẽ và thực chất trong cách nghĩ, cách làm của mỗi một cán bộ, công nhân viên với mục tiêu đảm bảo công việc theo chức năng được thực hiện hiệu quả - nhanh chóng - tiết kiệm.

+ Tập trung cải tiến việc tổ chức sản xuất và biện pháp thi công, đặt mục tiêu hiệu quả cao nhất, tiết kiệm thời gian, chi phí (nhân công, vật tư, máy...) lên hàng đầu, làm cơ sở hạ giá thành sản phẩm, tạo sức cạnh tranh thực chất để mở rộng thị trường và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

+ Tiếp tục củng cố công tác khoán: khoán kịp thời, khoán chi tiết theo từng phần việc, đơn giá khoán phải gắn với năng suất và định mức sử dụng lao động. Trên cơ sở việc khoán chi tiết đến đơn vị sản xuất, đơn vị thực hiện khoán sâu đến từng tổ/nhóm/người lao động.

+ Tăng cường công tác quản lý, giám sát trong công tác khoán: kiểm soát việc khoán của đơn vị, đảm bảo việc thanh toán chi phí nhân công phù hợp với kết quả công việc.

+ Cùng cố, nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu, công tác mua sắm, cân đối phù hợp tất cả các yếu tố có liên quan để xây dựng giá thầu cạnh tranh nhằm mở rộng thị trường. Trong đó, chú trọng mở rộng thị trường thuộc phân khúc phù hợp với năng lực Công ty.

+ Tăng cường chất lượng công tác dự báo và lập kế hoạch sản xuất (nhân lực, vật tư thiết bị, máy thi công...) đảm bảo sát thực tế, tiết kiệm, linh hoạt để chủ động trong điều hành và chuẩn bị các nguồn lực.

+ Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng; thực hiện tuyển dụng và bố trí điều động nhân lực kịp thời; nghiên cứu quy định mức lương khởi điểm khi tuyển dụng. Bảo đảm chế độ trả lương gắn với năng suất lao động của mỗi cá nhân; giảm tối thiểu nhân công thời vụ, thuê ngoài.

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động; thường xuyên phổ biến, nhắc nhở và xây dựng ý thức tự giác thực hiện của mỗi CBCNV, bảo đảm tuyệt đối an toàn trong sản xuất. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự và vệ sinh môi trường.

+ Phát huy hiệu quả các hoạt động phong trào đoàn thể (thi đua, văn hóa thể thao...) để nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV góp phần thúc đẩy sản xuất, kết hợp phổ biến các chủ trương chính sách để tăng cường đoàn kết nội bộ.

+ Ưu tiên thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, thuế và các khoản trích nộp BHXH.

+ Đẩy mạnh thực hiện “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2014-2015, định hướng đến năm 2020”.

## **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội**

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn quan tâm và có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước, của địa phương và các KCN trong việc bảo vệ môi trường. Hoạt động sản xuất thi công tại Nhà máy và Công trường đảm bảo các tiêu chí bảo vệ môi trường, đặc biệt là sử dụng tiết kiệm và xử lý nước thải, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm và tái sử dụng vật tư nguyên liệu, đảm bảo cảnh quan khu sản xuất với hệ thống cây xanh, không chế tốt khí bụi, tiếng ồn...

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động, coi trọng nhân tố con người. Đưa mục tiêu bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, bảo vệ sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động thành một trong những mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Luôn xác định trách nhiệm của công ty đối với các vấn đề của xã hội, cộng đồng, địa phương.

## **PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

### 1.1. Về sản xuất kinh doanh:

Năm 2016 hoạt động SXKD của Công ty đạt mức tăng trưởng khá, hoàn thành tốt nhiều chỉ tiêu chính trong Kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt từ đầu năm. Trong đó, các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, thu nhập bình quân người lao động tăng trên 10% kế hoạch. Sản xuất thi công tại các công trình/dự án đáp ứng tốt yêu cầu về tiến độ và chất lượng; năng suất lao động và năng lực tổ chức sản xuất được cải thiện đáng kể; uy tín, thương hiệu của công ty tiếp tục được củng cố.

Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế chỉ hoàn thành 85% so với kế hoạch.

### 1.2. Về tình hình tài chính:

Công tác tài chính được thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài chính, việc hạch toán kế toán đúng chuẩn mực kế toán hiện hành. Nguồn vốn phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh được đáp ứng khá kịp thời. Chế độ lập và báo cáo tài chính được thực hiện đúng quy định.

Tuy nhiên tình hình tài chính vẫn còn nhiều khó khăn, hiệu quả sử dụng vốn còn thấp; dư nợ tín dụng và chi phí tài chính/chi phí lãi vay ở mức cao. Nhiều khoản nợ quá hạn chưa thu hồi được làm giảm khả năng thanh toán ngắn hạn, tăng trích lập dự phòng... giảm hiệu quả hoạt động của đơn vị.

### 1.3. Về công tác đầu tư:

Trong năm công ty đã tiến hành đầu tư nâng cao một phần năng lực thiết bị đáp ứng cho sản xuất thi công, các trang thiết bị được đầu tư là thiết thực và phát huy hiệu quả. Thủ tục đầu tư thực hiện đúng quy chế công ty và các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, kinh phí cho đầu tư phát triển còn hạn chế, việc thu xếp vốn cho đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn trung, dài hạn còn gặp nhiều khó khăn.

### 1.4. Về lao động và việc làm:

Đã đảm bảo tốt vấn đề việc làm cho người lao động, hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch thu nhập bình quân. Các quy định liên quan đến chế độ BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ phép, nghỉ lễ... cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Mặc dù vậy, chất lượng lao động/năng suất lao động vẫn còn thấp so với yêu cầu, biến động nhân lực vào ra lớn, lực lượng công nhân có kỹ năng tốt còn thiếu, hiệu quả công tác đào tạo chưa cao, điều kiện làm việc của người lao động còn khó khăn.

1.5. Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty tuân thủ và thực hiện một cách có trách nhiệm các vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

- Năm 2016, trong điều hành, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ tốt các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết HĐQT, đã duy trì thường xuyên chế độ thông tin và báo cáo với HĐQT về kết quả và tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác.

- Ban Tổng giám đốc đã ban hành quy định về chế độ làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đã bám sát kế hoạch SXKD hàng quý của HĐQT để tập trung thực hiện, kịp thời nắm bắt và chỉ đạo sát sao mọi mặt công tác.

- Ban Tổng giám đốc đã tăng cường chỉ đạo và thực hiện quyết liệt công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn các công trình, đã hoàn thành quyết toán nhiều công trình dự án cũ.

- Ban Tổng giám đốc cũng đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động đấu thầu, chào giá, mở rộng thị trường. Công ty đã ký kết thêm một số hợp đồng thi công mới, qua đó hoàn thành kế hoạch SXKD 2016, làm cơ sở để thực hiện kế hoạch SXKD 2017.

- Nhìn chung, năm 2016 Ban Tổng giám đốc đã có nhiều giải pháp phù hợp, tích cực và sát sao trong điều hành, trên cơ sở đó hoạt động SXKD của Công ty đạt được mức tăng trưởng khá, năng lực sản xuất, hiệu quả hoạt động được cải thiện đáng kể.

- Để Công ty duy trì được đà tăng trưởng trong năm 2017 và những năm tiếp theo, hoàn thành tốt nhất các mục tiêu dài hạn trong chương trình Tái cấu trúc; Ban điều hành cần có những giải pháp đột phá, tập trung chỉ đạo quyết liệt nhiệm vụ SXKD ngay từ đầu năm, đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, đánh giá tình hình tại các đơn vị, tăng cường công tác quản lý và thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

### **3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT**

(1) Tiếp tục chỉ đạo triển khai Đề án tái cấu trúc giai đoạn 2017-2020 và các nội dung điều chỉnh, bổ sung Đề án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Mục tiêu của chương trình tái cấu trúc giai đoạn tới, chủ yếu gồm:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, quy trình quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn phù hợp với thực tiễn hoạt động.

- Đầu tư trang thiết bị, tài sản, phát triển năng lực chuyên sâu một số lĩnh vực kinh doanh mà công ty có thế mạnh và thị trường tiềm năng.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường;

- Tăng quy mô về vốn và tài sản; đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng doanh thu và lợi nhuận.

(2) Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả công tác quản trị trong các lĩnh vực chính, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm phù hợp;

- Xây dựng và thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư hiệu quả;

- Duy trì các phiên họp định kỳ, các hoạt động kiểm tra để đánh giá kết quả hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành;

- Thường xuyên giám sát việc tuân thủ Luật pháp, tuân thủ Điều lệ, Quy chế/quy định nội bộ của Công ty và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

(3) Chỉ đạo và phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp thị, đấu thầu, chào giá, mở rộng thị trường.

(4) Chỉ đạo và phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc thực hiện đổi mới phương thức quản lý và tổ chức sản xuất thi công, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(5) Thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin và công tác quan hệ cổ đông.

## PHẦN V QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	<b>Lê Hữu Điều</b>	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân: 27.243	0,83
		(Chuyên trách)	Đại diện TCT Lilama: 653.031	20
2	<b>Phùng Quang Minh</b>	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 0	0
		Kế toán trưởng	Đại diện TCT Lilama: 489.773	15
3	<b>Nguyễn Văn Triều</b>	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 0	0
		Tổng giám đốc	Đại diện TCT Lilama: 552.425	16
4	<b>Nguyễn Tất Linh</b>	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 14.670	0.45
5	<b>Vũ Sơn Lâm</b>	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 2.960	0.09

*Tóm tắt lý lịch ông: Lê Hữu Điều* - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Số CMTND : 142499594 Cấp ngày: 02/04/2007 tại CA Hải Dương

Ngày tháng năm sinh : 15/07/1961

Nơi sinh : Thụy Lương - Thái Thụy - Thái Bình

Quê quán : Thụy Lương - Thái Thụy - Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 196B, đường Quang Trung, Tp Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Số điện thoại liên lạc: 0913.255.330

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 5/1982 -1/1987: KTV - Xí nghiệp Liên hợp lắp máy 69 Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Từ 1/1987-1/1999: Đội trưởng - Xí nghiệp lắp máy 69-3 Kim Môn, Hải Dương

Từ 1/1999-6/2005: Phó Giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng 69-3, Hải Dương

Từ 6/2005-1/2007: Giám đốc Công ty Cơ khí Lắp máy, thị xã Ninh Bình- T Ninh Ninh

Từ 1/2007 – 4/2009: Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Từ 4/2009 – 08/2011: Chủ tịch HĐQT - Tổng GD Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama

Từ 09/2011 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama

#### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban, HĐQT phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo dõi các mặt và lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách tại các kỳ họp HĐQT.

### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2016 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc. Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT ban hành Nghị quyết, đưa ra những định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp, kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD.

#### a) Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Hữu Điều	Chủ tịch	24/04/2011	9	100%	
2	Ông Phùng Quang Minh	Thành viên	24/04/2011	9	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Triều	Thành viên	01/09/2011	9	100%	
4	Ông Bùi Sỹ Chiến	Thành viên	24/04/2011	3	100%	Miễn nhiệm từ 26/04/2016
5	Ông Trần Văn Hùng	Thành viên	24/04/2011	3	100%	
6	Ông Nguyễn Tất Linh	Thành viên	26/04/2016	6	100%	Bổ nhiệm mới
7	Ông Vũ Sơn Lâm	Thành viên	26/04/2016	6	100%	

#### b) Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	64/NQ-HĐQT-2016	11/03/2016	Thông qua: Thông qua việc thanh lý tài sản cố định đã hỏng, không cần dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
2	65/NQ-HĐQT-2016	11/03/2016	Thông qua: Báo cáo tài chính năm 2015; Kế hoạch và tình hình thực hiện SXKD quý 1/2016; Chốt danh sách cổ đông để thực hiện trả cổ tức cho năm tài chính 2014 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016; Chương trình, nội dung các báo cáo, tờ trình và văn bản trình Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên 2016.
3	66/NQ-HĐQT-2016	15/04/2016	Thông qua: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp 01 căn trục thủy lực bánh lốp 80 tấn.

4	67/NQ-HĐQT-2016	14/06/2016	Thông qua: Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.
5	68/NQ-HĐQT-2016	26/07/2016	Thông qua: Ban hành sửa đổi hệ thống quy chế quản lý nội bộ năm 2016.
6	69/NQ-HĐQT-2016	18/08/2016	Thông qua: Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2016; Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2016; Kế hoạch SXKD và đầu tư Quý 3 năm 2016; Một số chủ trương, định hướng trong sản xuất kinh doanh.
7	70/NQ-HĐQT-2016	31/08/2016	Thông qua: Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Văn Triều làm Tổng giám đốc Công ty.
8	71/NQ-HĐQT-2016	23/11/2016	Thông qua: Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016; Kế hoạch SXKD và đầu tư Quý 4 năm 2016, ước thực hiện cả năm 2016; Dự kiến Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017; ; Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2016; Một số chủ trương, định hướng trong sản xuất kinh doanh.
9	72/NQ-HĐQT-2016	30/11/2016	Thông qua: Thông qua nhu cầu tín dụng của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

#### 1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, không điều hành:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, đề xuất các ý kiến, thảo luận và biểu quyết các vấn đề tại các phiên họp HĐQT.
- Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên HĐQT;
- Tuân thủ việc phân công trong nội bộ HĐQT về quản lý, giám sát các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kịp thời có ý kiến với Ban giám đốc và HĐQT liên quan đến quyền của cổ đông.

#### 1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- (1) Ông Lê Hữu Điều – Chủ tịch HĐQT
- (2) Ông Phùng Quang Minh – Thành viên HĐQT.

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng BKS	13.100	0,40

2	Ông Phạm Mạnh Đức	Thành viên	0	0
3	Ông Lê Tuấn Minh	Thành viên	99.761	3,06

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát tổ chức các phiên họp định kỳ 03 lần/năm để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và quy định của Pháp luật.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, có ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản về các nội dung có liên quan. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn về giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực, minh bạch mọi mặt hoạt động của Công ty.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

## 3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ-2016 phiên họp thường niên 2016 ngày 26/04/2016.

- Cụ thể thực hiện năm 2016 như sau :

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Ông Lê Hữu Điều	Chủ tịch Hội đồng quản trị	299,870,340	-
2	Ông Nguyễn Văn Triều	Thành viên Hội đồng quản trị	261,299,987	24,000,000
3	Ông Phùng Quang Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	188,701,932	24,000,000
4	Ông Nguyễn Tất Linh	Thành viên Hội đồng quản trị	124,541,795	16,000,000
5	Ông Vũ Sơn Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị	178,278,498	16,000,000
6	Ông Phạm Mạnh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	-	18,000,000
7	Ông Lê Tuấn Minh	Thành viên Ban kiểm soát	43,821,318	12,000,000
8	Ông Văn Việt Hưng	Thư Ký	111,104,001	18,000,000
<b>Tổng cộng</b>			<b>1,207,617,871</b>	<b>128,000,000</b>

- Các khoản lợi ích khác: Không

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Tập trung thực hiện chức năng quản trị và giám sát các mặt hoạt động.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để tổng kết đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch SXKD cho từng quý, ban hành nghị quyết, đưa ra những định hướng và các giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Phân công từng thành viên theo dõi các lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công đã thực hiện chức năng giám sát



thường xuyên, kịp thời có ý kiến với ban điều hành trong các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ họp HĐQT.

- Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị:

+ Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong hội đồng quản trị cần phải nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao;

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

## PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(Số : 227/BCKT/TC)

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, được lập ngày 10/03/2017, từ trang 07 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch

và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề khác**

Số dư đầu kỳ trong BCTC năm 2016 đã được điều chỉnh theo Thông báo số 152/TB-KTNN của Kiểm toán Nhà Nước ngày 20/01/2017.

---

**NGÔ QUANG TIÊN**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
*Giấy CNDKHNKT số 0448-2014-126-1*  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

---

**LÊ NGỌC KHUÊ**  
**Kiểm toán viên**  
*Giấy CNDKHNKT số 0665-2014-126-1*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Đ/c: 72E Đường Hoàng Diệu - TP Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>222,193,126,956</b>	<b>197,840,801,456</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>23,681,621,439</b>	<b>45,376,124,118</b>
1. Tiền	111		11,681,621,439	10,376,124,118
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,000,000,000	35,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>515,000,000</b>	<b>515,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	515,000,000	515,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>124,306,654,816</b>	<b>107,257,915,455</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	128,006,080,674	106,855,493,274
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		517,463,773	3,385,877,526
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	6,671,866,667	7,852,622,315
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(10,888,756,298)	(10,836,077,660)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>73,559,184,034</b>	<b>44,575,761,883</b>
1. Hàng tồn kho	141		73,769,122,984	44,785,700,833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(209,938,950)	(209,938,950)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>130,666,667</b>	<b>116,000,000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	130,666,667	116,000,000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21,444,180,917</b>	<b>15,820,392,069</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>309,521,000</b>	<b>256,520,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	309,521,000	256,520,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14,914,509,374</b>	<b>9,943,678,876</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	13,864,796,473	8,652,771,903
- Nguyên giá	222		57,689,911,090	50,144,545,490
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(43,825,114,617)	(41,491,773,587)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	1,049,712,901	1,290,906,973
- Nguyên giá	225		1,447,164,423	1,447,164,423
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(397,451,522)	(156,257,450)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,220,150,543</b>	<b>5,620,193,193</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	6,220,150,543	5,620,193,193
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>243,637,307,873</b>	<b>213,661,193,525</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>196,075,691,172</b>	<b>166,652,386,956</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>188,469,114,494</b>	<b>161,350,981,399</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	38,852,001,973	27,648,823,358
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	27,018,500,365	52,266,337,851
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	6,827,032,229	1,476,913,162
4. Phải trả người lao động	314		15,326,978,834	5,888,909,386
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	3,579,839,437	98,663,601
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	7,663,708,497	5,017,693,033
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	89,004,108,014	68,076,629,779
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	735,473,701
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		196,945,145	141,537,528
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7,606,576,678</b>	<b>5,301,405,557</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13	2,859,986,514	3,360,899,912
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	4,746,590,164	1,538,950,104
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	401,555,541
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>47,561,616,701</b>	<b>47,008,806,569</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>47,561,616,701</b>	<b>47,008,806,569</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32,651,550,000	32,651,550,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32,651,550,000	32,651,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,102,723,500	3,102,723,500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		946,956,494	798,502,686
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,514,869,046	7,069,507,621
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3,345,517,661	3,386,522,762
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		844,063,219	417,361,477
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,501,454,442	2,969,161,285
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>243,637,307,873</b>	<b>213,661,193,525</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	236,154,250,056	180,710,295,777
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		236,154,250,056	180,710,295,777
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	215,376,303,331	162,425,861,613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20,777,946,725	18,284,434,164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	487,211,318	104,575,550
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	8,631,889,359	4,733,925,928
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,628,849,123	4,733,925,928
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	10,603,817,012	10,246,821,300
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,029,451,672	3,408,262,486
11. Thu nhập khác	31		1,175,284,352	398,354,545
12. Chi phí khác	32		62,617,972	-
13. Lợi nhuận khác	40		1,112,666,380	398,354,545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,142,118,052	3,806,617,031
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	640,663,610	837,455,746
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2,501,454,442	2,969,161,285
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	689	818
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		689	818

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	213,817,466,677	227,184,686,412
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(134,408,828,568)	(134,788,651,133)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(85,684,265,928)	(58,751,638,114)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(8,607,246,356)	(4,727,741,620)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(151,888,903)	(1,012,686,963)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8,943,306,789	10,819,460,154
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(28,488,153,066)	(16,615,887,557)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(34,579,609,355)</b>	<b>22,107,541,179</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8,843,160,769)	(1,129,247,566)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(400,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		400,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	483,794,260	104,575,550
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8,359,366,509)</b>	<b>(1,024,672,016)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	220,525,038,004	140,663,997,669
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(196,107,197,869)	(126,597,253,661)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(282,721,840)	(520,683,439)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,890,645,110)	(955,549,305)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>21,244,473,185</b>	<b>12,590,511,264</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(21,694,502,679)</b>	<b>33,673,380,427</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>45,376,124,118</b>	<b>11,702,743,691</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>23,681,621,439</b>	<b>45,376,124,118</b>

Chi tiết Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được đăng tải trên website <http://www.lilamaemc.com.vn>

Ninh Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2017



**Nguyễn Văn Triều**